

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/DS-PT

Ngày: 10 – 3 - 2020

V/v trẢh chấp đòi lại tài sản là
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tông

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang

Bà Nguyễn Thị An Tiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Nguyễn Minh Tâm
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "Đòi tài sản là quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G D, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 97/2020/QĐPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Ngọc L, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B M, xã T Đ, huyện G D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Trịnh Hoàng A, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà Trịnh Thị Kim Li, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B M, xã T Đ, huyện G D, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trịnh Hoàng A, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2. Ông Trịnh Văn R, sinh năm 1937 (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1958 (vắng mặt).

4. Bà Trịnh Ngọc Th, sinh năm: 1944 (có mặt).

5. Bà Trịnh Thị H, sinh năm: 1959 (vắng mặt).

6. Ông Trịnh Bảo T, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B M, xã T Đ, huyện G D, tỉnh Tây Ninh.

7. Bà Trịnh Thị M L, sinh năm: 1963 (có mặt).

8. Ông Trịnh H A, sinh năm: 1960 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Trà Võ, T Đ, huyện G D, tỉnh Tây Ninh.

9. Ông Trịnh Hoàng V, sinh năm: 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 20, ấp N H 1, xã C L, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

10. Ông Phạm Tấn A, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B M, xã T Đ, huyện G D, tỉnh Tây Ninh.

11. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 L H, phường T C, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên: Ông Phạm Đức Minh - Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện G D Tây Ninh (theo Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Người được ủy quyền lại: Ông Hồ Huy Cường – Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A Phú, xã A T, huyện T B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trịnh Hoàng A trình bày:

Cha bà L là cụ Trịnh Văn D (chết năm 2007), mẹ bà L là cụ Nguyễn Thị X (chết năm 2016), cụ D và cụ X có 10 người con là Trịnh Thị H, Trịnh Hoàng Á, Trịnh Thị M L, Trịnh Ngọc Th, Trịnh Hoàng A, Trịnh Bảo To, Trịnh Hoàng V, Trịnh Minh T (chết), Trịnh Công Nh (chết), Trịnh Thị Ngọc L. Ông Trịnh Minh T chết có vợ là bà Nguyễn Thị Vu. Ông Trịnh Công Nh chết có vợ là Ph Thị Th.

Cụ D và cụ X có phần đất diện tích 1.285,2m² thuộc thửa số 749, bản đồ số 69, tọa lạc tại ấp B M, xã T Đ, huyện G D, tỉnh Tây Ninh. Cụ Trịnh Văn D đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007 cụ D chết có để lại cho cụ Nguyễn Thị X (mẹ bà L) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2016 cụ X chết thì anh chị em của bà L thống nhất cho bà Trịnh Thị Ngọc L được quyền sử dụng diện tích đất này nên bà L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 515278, sổ vào sổ CS03858, cấp ngày 30/10/2017.

Khi cụ X còn sống, cụ X có cho ông Trịnh Văn R về xây nhà ở nhờ trên đất để gần con cháu. Do bà Li đã có mâu thuẫn với chồng nên bà Li theo cha là ông R về chung sống trên diện tích đất này. Theo ông A biết căn nhà xây dựng có sự đóng góp của bà Li, còn mỗi người góp bao nhiêu thì không biết. Các loại cây có trên đất là do ông R và bà Li trồng. Nguyên nhân bà L yêu cầu bà Li trả lại đất là do ông R là người được cụ X cho xây nhà ở trên đất đã làm giấy tờ trả đất lại cho bà L, nhưng bà Li con của ông R không di dời các tài sản có trên đất để trả đất lại cho bà L.

Bà Trịnh Thị Ngọc L yêu cầu bà Li di dời các tài sản có trên đất để trả đất lại cho bà L diện tích đất qua xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc thực tế là 991.5m², là một phần diện tích của thửa số 749. Trường hợp các tài sản không di dời được thì bà L đồng ý thanh toán giá trị tài sản theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

- Bị đơn bà Trịnh Thị Kim Li trình bày: Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà L. Nhưng bà L phải có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp cho bà ngang 15m, dài 30m.

Về nguồn gốc đất tranh chấp là của bà nội tên Nguyễn Thị Gi để lại không có ai quản lý nên năm 1978, anh Tâm con của cụ D về ở. Năm 1983 bà nội chết thì năm 1986 cụ D về ở luôn trên đất. Cụ D đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất mà cha bà ông Trịnh Văn R không hay biết, vì thời điểm này cha bà có vợ khác, còn bà thì sinh sống với mẹ. Hơn nữa bà Li cũng không biết diện tích đất này bà nội có chia cho cha bà hay chia cho cụ D, nên bà Li không ngăn cản. Năm 2013, vợ cụ D là cụ X có kêu cha bà về xây nhà ở đồng thời kêu cha bà đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nhưng cha bà không đi kê khai. Nhà xây dựng trên đất là của bà và cha bà, các chi phí xây dựng là do bà và cha bà chi. Các loại cây có trên đất do bà trồng, nhà tắm, chuồng heo là do bà xây dựng. Ông bà nội bà gồm có 4 người con đã chết 02 người gồm cụ D, cụ Kiện, 02 người còn sống là cha bà tên R và bà Dứt. Bà nội bà có nhiều tài sản đã chia cho các cô chú bác mỗi người một phần xong và họ đã bán hết. Còn phần đất hiện đang tranh chấp với bà L, bà không biết bà nội có chia cho cụ D hay chưa. Nguyên nhân bà yêu cầu bà L chuyển quyền sử dụng đất cho bà là do bà và cha bà đã xây nhà ở trên đất, bà L biết mà không ngăn cản. Trường hợp giải quyết có chấp nhận yêu cầu của bà L bà yêu cầu bà L thanh toán giá trị tài sản của bà có trên đất theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Tại các bản tự khai: Ông Trịnh Hoàng A, bà Nguyễn Thị Vu, bà Trịnh Ngọc Th, bà Trịnh Thị Hồ, ông Trịnh Bảo To, bà Trịnh Thị M L, ông Trịnh Hoàng A, ông Trịnh Hoàng Vê cho rằng diện đất tranh chấp giữa bà L và bà Li là của bà L nên các ông bà không tranh chấp.

+ Ông Trịnh Văn R trình bày: Diện đất tranh chấp giữa bà L và bà Li là của bà L nên ông đồng ý trả lại cho bà L, đối với căn nhà xây dựng trên đất là do ông và bà Li xây dựng nay ông không yêu cầu bà L thanh toán giá trị tài sản.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 13-8-2019 ông Phạm Tấn A trình bày thống nhất theo yêu cầu của bà Li.

+ Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, anh Cường trình bày: Bà L có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện G D, đến nay bà L không vi phạm hợp đồng nên ngân hàng không khởi kiện bà L.

Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện G D, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 106 Luật Đất đai năm 2013;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Ngọc L đối với bà Trịnh Thị Kim Li.

Buộc bà Trịnh Thị Kim Li có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị Ngọc L quyền sử dụng đất có diện tích 991,5m², là một phần diện tích thuộc thửa số 749, tờ bản đồ 69, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 515278 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Trịnh Thị Ngọc L đứng tên ngày 30/10-2017. Đất tọa lạc ấp B M, xã T Đ, huyện G D, tỉnh Tây Ninh.

Đất có tứ cận: Đông giáp thửa 113 dài 35,44m; Tây giáp thửa 533 dài 26,92m và thửa 122 dài 9,26m; Nam giáp thửa 122 dài 21,50m; Bắc giáp đường đất dài 33,21m.

Bà Trịnh Thị Ngọc L được quyền sở hữu các tài sản có trên đất gồm: Nhà cấp 4C diện tích là 68.58m²; nhà tắm diện tích 3.15m²; chuồng heo diện tích 23.37m²; 01 bụi tre; 02 cây dừa; 05 cây mít; 01 cây điều; 01 bụi chuối hột; 01 cây ổi; 01 cây mận; 01 cây cóc; 07 cây măng cầu.

Ghi nhận bà L tự nguyện thanh toán cho bà Li giá trị tài sản là 42.707.000 đồng.

Bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/10/2019, bà Li kháng cáo yêu cầu bà L chuyển quyền sử dụng đất cho bà Li diện tích ngang 15m, dài 30m.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Li giữ nguyên kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị Kim Li. Sửa một phần bản án sơ thẩm, ghi nhận bà L tự nguyện bồi thường toàn bộ giá trị tài sản, cây trồng trên đất cho bà Li.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp:

- Bà L cho rằng do cha mẹ bà là cụ ông Trịnh Văn D và cụ bà Nguyễn Thị X chết để lại, khi còn sống ông D, bà X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2017, sau khi cụ X chết thì anh chị em của bà L thống nhất giao cho bà được quyền sử dụng đất diện tích 1.285,2 m² thuộc thửa số 749, bản đồ số 69, tọa lạc tại ấp B M, xã T Đ, huyện G D, tỉnh Tây Ninh nên ngày 30/10/2017 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 515278, số vào sổ CS03858. Năm 2013, cụ X cho ông R xây nhà ở nhờ trên đất; ông R và con là bà Li có trồng cây, làm nhà tắm, chuồng heo trên đất diện tích 991,5m². Nay ông R đồng ý trả đất nhưng bà Li không đồng ý trả đất. Nay bà L yêu cầu bà Li trả đất diện tích 991,5m².

- Bà Li cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của bà nội tên Nguyễn Thị Gi để lại chưa chia cho ai. Năm 2013, cụ X cho cha ruột là ông R và bà Li về xây nhà để ở. Nay bà Li yêu cầu bà L chuyển quyền sử dụng đất cho bà Li diện tích ngang 15m, dài 30m.

- Tài sản trên đất tranh chấp gồm có:

Nhà cấp 4C diện tích là 68.58m²; kết cấu: Móng bê tông cốt thép, tường gạch, nền xi măng, cột tô dán gạch, cửa sắt kính, mái thiết, xây dựng năm 2013.

Nhà tắm diện tích 3.15m²; kết cấu: Cột xi măng, mái thiết, nền gạch men, tường gạch.

Chuồng heo diện tích 23.37m²; kết cấu: Tường gạch, cột gạch tô xi măng, không cửa, nền xi măng, mái thiết.

01 bụi tre 18 cây (tre mạnh tông lấy măng) 04 năm tuổi; 02 cây dừa 04 năm tuổi; 05 cây mít 04 năm tuổi; 01 cây điều 04 năm tuổi; 01 bụi chuối hột; 01 cây ổi 04 năm tuổi; 01 cây mận 04 năm tuổi; 01 cây cóc 04 năm tuổi; 07 cây măng cầu 04 năm tuổi.

03 cái mộ gồm: Anh Trịnh Minh Thế, sinh năm: 1981 (chưa vợ con, có mẹ là bà Vui), ông Trịnh Minh Tâm, sinh năm 1951 (chồng bà Vui) và Trịnh Văn D, sinh năm: 1927 (Cha bà L và ông Tâm).

[2] Chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 04/3/2018, ông Trịnh Văn R có đơn gửi ấp B M, xã T Đ, huyện G D, tỉnh Tây Ninh yêu cầu bà Trịnh Thị Kim Li ra khỏi nhà, trả đất cho bà L. Biên bản hòa giải của Tổ hòa giải ấp B M lập ngày 12/3/2018, bà Li yêu cầu ông R bồi thường 100.000.000 đồng mới chịu di dời ra khỏi nhà, ông R không có tiền bồi thường (BL08).

Biên bản hòa giải ngày 10/5/2018 của Hội đồng hòa giải xã T Đ, nguyên đơn bà Trịnh Thị Ngọc L, bị đơn ông Trịnh Văn R, người liên quan Trịnh Thị Kim Li,

ông R đồng ý trả đất cho bà L, bà Li yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng mới đồng ý di dời, trả đất (BL10).

Ngày 18/6/2018 ông Trịnh Văn R có làm giấy viết tay "Giấy trả đất" cho bà Trịnh Thị Ngọc L vì ông cất nhà ở tạm trên đất của cụ X, nay không ở trên đất nên trả đất (BL06).

Quá trình tham gia tố tụng, ông Trịnh Văn R luôn đồng ý trả đất cho bà L.

Mặt khác, trên đất có 03 cái mộ của anh Trịnh Minh Thế (con ông Tâm), ông Trịnh Minh Tâm (con cụ D) và cụ Trịnh Văn D (Cha bà L).

Như vậy, trình bày của bà Li cho rằng đất có nguồn gốc do bà nội tên Nguyễn Thị Gi để lại chưa chia cho ai là không có căn cứ. Nếu thực tế do bà nội tên Nguyễn Thị Gi để lại chưa chia cho ai thì ông R là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng nhưng ông R đã xác định là ông xin cất nhà ở nhờ, nay trả đất nên kháng cáo của bà Li yêu cầu bà L chuyển quyền sử dụng đất (diện tích ngang 15m, dài 30m) là không có căn cứ chấp nhận, nên cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần buộc bà Li trả cho bà L diện tích 991,5m².

[3] Về phần bồi thường, trên đất tranh chấp có tài sản gồm: Nhà cấp 4C diện tích là 68.58m² có giá trị 67.242.690 đồng; 01 nhà tắm diện tích 3.15m² có giá trị 1.853.145 đồng; 01 chuồng heo diện tích 23.37m² có giá trị 2.972.664 đồng; 01 bụi tre 18 cây, 02 cây dừa, 05 cây mít, 01 cây điều, 01 bụi chuối hột, 01 cây ổi, 01 cây mận, 01 cây cóc, 07 cây măng cầu có giá trị 4.260.000 đồng.

Bà Li cho rằng chi phí xây nhà 62.000.000 đồng, bà góp tiền xây nhà 50.000.000 đồng nhiều hơn ông R nhưng bà Li chỉ cung cấp chứng cứ mua vật tư 20.720.300 đồng. Ông R cho rằng bà Li chỉ làm cửa lớn, cửa sổ và Tole lợp nhà khoảng 15.000.000 đồng. Do hai bên không cung cấp chứng cứ cụ thể nên cấp sơ thẩm xác định căn nhà cấp 4 có giá trị 67.242.690 đồng, mỗi người được sở hữu ½ là 33.621.345 đồng là có căn cứ nên ghi nhận bà L bồi thường cho bà Li tiền nhà 33.621.345 đồng và giá trị nhà tắm, chuồng heo, cây trồng 9.085.809 đồng, tổng cộng 42.707.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn đồng ý bồi thường toàn bộ giá trị tài sản, cây trồng trên đất cho bà Li là 76.327.000 đồng, cấp phúc thẩm ghi nhận.

[4] Về chi phí, án phí:

Về chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Bà Li phải chịu 7.000.000 đồng. Do bà L đã tạm ứng chi nên bà Li phải trả lại cho bà L.

Về án phí, theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định "Trường hợp ngoài tranh chấp về đòi tài sản cho mượn, cho ở nhờ, đương sự còn có tranh chấp về bồi thường thiệt hại và yêu cầu Tòa án giải quyết, thì đương sự phải chịu án phí không có giá ngạch đối với tranh chấp về đòi tài sản cho mượn, cho ở nhờ và án phí có giá ngạch đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại" nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bà L phải chịu án

phí dân sự sơ thẩm đối với phần bồi thường cho bà Li là thiếu sót, cấp phúc thẩm bổ sung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Li phải chịu 300.000 đồng; bà L phải chịu 3.816.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Li phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị Kim Li.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm về đòi tài sản là quyền sử dụng đất, sửa Bản án sơ thẩm về bồi thường và án phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Ngọc L đối với bà Trịnh Thị Kim Li.

Buộc bà Trịnh Thị Kim Li có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị Ngọc L quyền sử dụng đất có diện tích 991.5m², là một phần diện tích thuộc thửa số 749, tờ bản đồ 69, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 515278, sổ vào sổ CS03858 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Trịnh Thị Ngọc L đứng tên ngày 30/10/2017. Đất tọa lạc ấp B M, xã T Đ, huyện G D, tỉnh Tây Ninh.

Đất có tứ cận: Đông giáp thửa 113 dài 35,44m; Tây giáp thửa 533 dài 26,92m và thửa 122 dài 9,26m; Nam giáp thửa 122 dài 21,50m; Bắc giáp đường đất dài 33,21m.

Bà Trịnh Thị Ngọc L được quyền sở hữu các tài sản có trên đất gồm: Nhà cấp 4C diện tích là 68.58m²; nhà tắm diện tích 3.15m²; chuồng heo diện tích 23.37m²; 01 bụi tre; 02 cây dừa; 05 cây mít; 01 cây điều; 01 bụi chuối hột; 01 cây ổi; 01 cây mận; 01 cây cóc; 07 cây măng cầu.

Ghi nhận bà L tự nguyện thanh toán cho bà Li giá trị tài sản là 76.327.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị Kim Li yêu cầu bà Trịnh Thị Ngọc L chuyển quyền sử dụng phần đất ngang 15m, dài 30m.

3. Về chi phí, án phí:

- Về chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Bà Li phải chịu 7.000.000 đồng. Do bà L đã tạm ứng chi nên bà Li phải trả lại cho bà L.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Li phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009262 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G D, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà Li đã nộp xong.

+ Bà L phải chịu 3.816.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008545 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G D, tỉnh Tây Ninh, bà L còn phải nộp 3.516.000 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Li phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009781 ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G D, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà Li đã nộp xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. G D;
- Chi cục THADS h G D;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tông